

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 298 /SKHĐT- DNKTTT&TN
V/v: tham gia ý kiến dự thảo đề nghị xây
dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh

Bắc Giang, ngày 19 tháng 02 năm 2019

Kính gửi:

- Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Bắc Giang;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Ủy ban mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Thực hiện Công văn số 3968/UBND-NN ngày 15/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh tham mưu xây dựng chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự thảo đề nghị xây dựng Nghị quyết (có dự thảo kèm theo), đề nghị quý cơ quan, đơn vị xem xét cho ý kiến đóng góp.


Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh chỉ đạo Trung tâm Thông tin đăng tải bản dự thảo đề nghị xây dựng Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến theo quy định.

Văn bản góp ý của quý cơ quan gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 08/03/2019 để Sở kịp thời tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh xem xét trình thường trực HĐND tỉnh theo quy định.

Rất mong sự hợp tác của quý cơ quan, đơn vị./. *Đ*

Nơi nhận:

- Lưu VT, DNKTTT&TN.
- Phòng TMCN Việt Nam
- * **Bản điện tử:**
- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Giám đốc;
- Phó GD Nguyễn Cường;

GIÁM ĐỐC

Trịnh Hữu Thắng

Số: /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP);

Ủy ban nhân dân tỉnh trình thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh nội dung xây dựng Nghị quyết quy định về cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Nông nghiệp có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta; là ngành sản xuất ra những sản phẩm, hàng hóa thiết yếu phục vụ đời sống, sinh hoạt của con người, góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định an ninh, chính trị để phát triển kinh tế. Trải qua các kỳ đại hội Đảng, vấn đề này ngày càng được Đảng ta nhận thức sâu sắc hơn, trên cơ sở đó đề ra những chủ trương, định hướng đúng đắn, phù hợp với tình hình, yêu cầu trong từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đảng và Nhà nước ta cũng xác định doanh nghiệp là động lực chính để tái cơ cấu nông nghiệp, đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phát triển như: Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị định số Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 25/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020...

Quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển nông nghiệp, căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra những chủ trương, đường lối về phát triển sản xuất nông nghiệp trong từng thời kỳ phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của

tỉnh, cùng sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đoàn thể, xã hội, doanh nghiệp và bà con nông dân, nên sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh phát triển khá toàn diện và đạt được nhiều kết quả tích cực. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt khá cao (bình quân 7%/năm), cao hơn so với bình quân chung của cả nước và các tỉnh TDMNPB; việc chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật, giống mới và đưa cơ giới hóa vào sản xuất được đẩy mạnh; năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi không ngừng tăng qua các năm; quy mô sản xuất một số cây trồng, vật nuôi có lợi thế so sánh tăng nhanh...

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp không ổn định phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết, khí hậu, thị trường tiêu thụ và có xu hướng chậm lại. Nông nghiệp phát triển còn kém bền vững và chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế của địa phương; đóng góp của lâm nghiệp trong tăng trưởng kinh tế còn thấp, chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và mục tiêu đề ra; quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, phân tán, chủ yếu là kinh tế hộ; tỷ lệ cơ giới hóa còn thấp; năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản còn thấp; công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật đã được quan tâm, xong việc ứng dụng nhân rộng các mô hình hiệu quả còn chậm và chưa hiệu quả; công tác bảo quản, chế biến sau thu hoạch còn kém phát triển, phần lớn nông sản tiêu thụ và xuất khẩu ở dạng sơ chế, thô nên giá trị gia tăng thấp; các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị chưa nhiều, sự liên kết chưa chặt chẽ, thiếu bền vững; sản xuất chưa gắn kết được với chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu.; kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đã được quan tâm đầu tư nâng cấp, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng nhu cầu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, chủ yếu mới chỉ tập trung đầu tư cho kết cấu hạ tầng thủy lợi, còn giao thông nội đồng, cơ sở sản xuất giống, bảo quản, chế biến, thông tin thị trường... chưa được quan tâm đúng mức; đặc biệt, chưa thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản còn hạn chế, chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư; hiệu quả và vai trò của các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nông nghiệp, nông thôn đến nay vẫn chưa được phát huy đúng với tiềm năng phát triển: quy mô nhỏ, khả năng cạnh tranh thấp, năng suất lao động thấp, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong khu vực này thấp chiếm khoảng 3% trên tổng lũy kế doanh nghiệp đăng ký kinh doanh.

Xuất phát từ vai trò, vị trí của khu vực nông nghiệp, nông thôn trong nền kinh tế của tỉnh, cũng như việc đảm bảo an sinh xã hội, việc ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là hết sức cần thiết, nhằm khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực

nông nghiệp, nông thôn phát triển đúng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị, xã hội tại địa phương.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nhằm cụ thể hóa Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, tạo điều kiện thu hút và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn góp phần tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh nhất là ở khu vực nông thôn.

2. Quan điểm

- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đảm bảo đúng thẩm quyền, phù hợp với phù hợp quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và các chính sách pháp luật của cấp trên.

- Chính sách trong Nghị quyết được xây dựng với định mức hỗ trợ hợp lý, tập trung, hiệu quả, phù hợp với khả năng chi của ngân sách địa phương.

- Điều kiện để được nhận hỗ trợ của các chính sách trong Nghị quyết phù hợp với thực tế của tỉnh, doanh nghiệp với nhu cầu đầu tư và mở rộng có thể dễ dàng tiếp cận và tham gia đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo Luật doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, 4, 5, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hỗ trợ tiếp cận, hỗ trợ tín dụng

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định được hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

a) Mức lãi suất hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

- Lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước là lãi suất được công bố áp dụng cho từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

- Lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm căn cứ để tính chênh lệch lãi suất là lãi suất cho vay thấp nhất của các ngân hàng thương mại do nhà nước sở hữu vốn trên 50% vốn điều lệ, có hoạt động cho vay các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ được niêm yết công khai tại các điểm giao dịch.

b) Thời gian và mức hỗ trợ

- Đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập: thời gian hỗ trợ tối đa là 08 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 02 tỷ đồng.

- Đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư: thời gian hỗ trợ tối đa là 06 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 01 tỷ đồng.

- Đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư: thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 750 triệu đồng.

- Đối với dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 500 triệu đồng.

c) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

d) Giải ngân vốn hỗ trợ lãi suất:

- Việc giải ngân vốn hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp được thực hiện một (01) lần nếu tổng mức hỗ trợ dưới 01 tỷ đồng/dự án.

- Tổng mức hỗ trợ từ 01 tỷ đồng trở lên thì việc giải ngân được thực hiện nhiều lần và hoàn thành trong thời hạn 02 năm.

2. Hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao

Doanh nghiệp thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng được hỗ trợ như sau:

a) Mức hỗ trợ: 80% kinh phí thực hiện, nhưng không quá 150 triệu đồng/đề tài/bản quyền/công nghệ.

b) Điều kiện hỗ trợ: theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 9 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

3. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường

a) Hỗ trợ cho doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động với mức hỗ trợ 02 triệu đồng/tháng/lao động, thời gian hỗ trợ 03 tháng.

Trường hợp doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị được hỗ trợ kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân, mức hỗ trợ 500 ngàn đồng/nông dân tham gia liên kết được đào tạo. Thời gian hỗ trợ là 03 tháng.

b) Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh; 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước, ngoài nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Các khoản hỗ trợ nêu tại điểm a), điểm b) khoản này được thực hiện theo dự án đầu tư. Tổng các khoản hỗ trợ cho một dự án tối đa không quá 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 300 triệu đồng.

4. Hỗ trợ đầu tư cơ sở: Bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm

4.1. Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến nông sản; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

a) Mức hỗ trợ: 60% kinh phí đầu tư và không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Các dự án đầu tư chế biến nông sản phải bảo đảm các điều kiện giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

4.2 Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản (gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học)

a) Mức hỗ trợ 70% chi phí đầu tư nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị.

b) Điều kiện hỗ trợ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

5. Các chính sách hỗ trợ khác

Ngoài chính sách hỗ trợ quy định trên, các chính sách hỗ trợ còn lại quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tỉnh đối với các dự án ngân sách trung ương hỗ trợ chưa đủ theo chính sách.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực:

Ngân sách tỉnh dành tối thiểu 05% vốn chi ngân sách địa phương hàng năm cho ngành Nông nghiệp để thực hiện (dự kiến hàng năm bố trí khoảng 25 tỷ đồng), gồm gồm: khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do tỉnh quản lý và chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trực tiếp quản lý trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm hoạt động phát triển nông, lâm, thủy sản, thủy lợi; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác.

2. Điều kiện bảo đảm thi hành: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a. Ban hành quyết định chủ trương đầu tư về danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. Thời hạn 05 năm một lần; hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát và điều chỉnh.

c. Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

d. Ban hành danh mục dự án ưu tiên đầu tư và định mức hỗ trợ đối với từng loại dự án, hạng mục, công trình phù hợp với các mức hỗ trợ tại Quy định này.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH

Kỳ họp thứ 7 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên đây là nội dung đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: KT,HC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Đánh giá tác động chính sách của Nghị quyết HĐND tỉnh về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP);

Ủy ban dân dân tỉnh xây dựng báo cáo đánh giá động chính sách của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang gồm những nội dung sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh chung

Nông nghiệp có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta; là ngành sản xuất ra những sản phẩm, hàng hóa thiết yếu phục vụ đời sống, sinh hoạt của con người, góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định an ninh, chính trị để phát triển kinh tế. Trải qua các kỳ đại hội Đảng, vấn đề này ngày càng được Đảng ta nhận thức sâu sắc hơn, trên cơ sở đó đề ra những chủ trương, định hướng đúng đắn, phù hợp với tình hình, yêu cầu trong từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đảng và Nhà nước ta cũng xác định doanh nghiệp là động lực chính để tái cơ cấu nông nghiệp, đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phát triển như: Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 25/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020...

Quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển nông nghiệp, căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra những chủ trương, đường lối về phát triển sản xuất nông nghiệp trong từng thời kỳ phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của tỉnh, cùng sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đoàn thể, xã hội, doanh nghiệp và bà con nông dân, nên sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh phát triển khá toàn diện và đạt được nhiều kết quả tích cực. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt khá cao (bình quân 7%/năm), cao hơn so với bình quân chung của cả nước và các tỉnh TDMNPB; việc chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, giống mới và đưa cơ giới hóa vào sản xuất được đẩy mạnh; năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi không ngừng tăng qua các năm; quy mô sản xuất một số cây trồng, vật nuôi có lợi thế so sánh tăng nhanh...

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp không ổn định phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết, khí hậu, thị trường tiêu thụ và có xu hướng chậm lại. Nông nghiệp phát triển còn kém bền vững và chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế của địa phương; đóng góp của lâm nghiệp trong tăng trưởng kinh tế còn thấp, chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và mục tiêu đề ra; quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, phân tán, chủ yếu là kinh tế hộ; tỷ lệ cơ giới hóa còn thấp; năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản còn thấp; công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật đã được quan tâm, song việc ứng dụng nhân rộng các mô hình hiệu quả còn chậm và chưa hiệu quả; công tác bảo quản, chế biến sau thu hoạch còn kém phát triển, phần lớn nông sản tiêu thụ và xuất khẩu ở dạng sơ chế, thô nên giá trị gia tăng thấp; các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị chưa nhiều, sự liên kết chưa chặt chẽ, thiếu bền vững; sản xuất chưa gắn kết được với chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu.; kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đã được quan tâm đầu tư nâng cấp, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng nhu cầu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, chủ yếu mới chỉ tập trung đầu tư cho kết cấu hạ tầng thủy lợi, còn giao thông nội đồng, cơ sở sản xuất giống, bảo quản, chế biến, thông tin thị trường... chưa được quan tâm đúng mức; đặc biệt, chưa thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản còn hạn chế, chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư; hiệu quả và vai trò của các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nông nghiệp, nông thôn đến nay vẫn chưa được phát huy đúng với tiềm năng phát triển: quy mô nhỏ, khả năng cạnh tranh thấp, năng suất lao động thấp, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong khu vực này thấp chiếm khoảng 3% trên tổng lũy kế doanh nghiệp đăng ký kinh doanh.

Xuất phát từ vai trò, vị trí của khu vực nông nghiệp, nông thôn trong nền kinh tế của tỉnh, cũng như việc đảm bảo an sinh xã hội, UBND tỉnh đề xuất một

số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nhằm khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn phát triển đúng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị, xã hội tại địa phương.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Cụ thể hóa nội dung các chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP nhằm tập trung khuyến khích về số lượng và nâng cao chất lượng, năng suất lao động, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Xây dựng chính sách của tỉnh thực hiện khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp để phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh để phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh đúng với tiềm năng, thế mạnh góp phần tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tạo cơ sở pháp lý để nhà nước thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Giải quyết những khó khăn về vốn đầu tư; lao động; ứng dụng nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao làm tăng chuỗi giá trị sản phẩm, gắn kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, tạo sự chuyển dịch mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế nông thôn, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Thể hiện sự nỗ lực, quyết tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp trong việc tạo điều kiện để hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tăng cường sự tin tưởng vào chủ trương, chính sách của tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Các chính sách được ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, vì vậy, cần đánh giá tác động chính sách. Bao gồm:

- (1) Hỗ trợ tiếp cận, hỗ trợ tín dụng
- (2) Hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao
- (3) Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường
- (4) Hỗ trợ đầu tư đầu tư cơ sở: Bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm

Trong 4 chính sách trên đều không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới, vì vậy, không đánh giá tác động về giới. Đồng thời các chính sách được đánh giá đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và không làm ảnh hưởng đến tổ chức bộ máy nhà nước. Đảm bảo khả năng thực hiện của cơ quan nhà nước và đối tượng thụ hưởng.

Đánh giá cụ thể từng chính sách như sau:

1. Chính sách hỗ trợ tiếp cận, hỗ trợ tín dụng

a) Xác định vấn đề bất cập: Phần lớn các doanh nghiệp đều gặp khó khăn về vốn do năng lực tài chính hạn chế; việc tiếp cận các khoản vay ưu đãi từ các

Quỹ của Trung ương (Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu..); mức lãi suất của các ngân hàng thương mại từ 10% - 12%/năm là khá cao đối với các doanh nghiệp.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: dùng ngân sách nhà nước tỉnh (NSNN tỉnh) hỗ trợ các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định phân chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn với quy mô lớn hơn để đầu tư phát triển sản xuất.

- Lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước là lãi suất được công bố áp dụng cho từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

- Lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm căn cứ để tính chênh lệch lãi suất là lãi suất cho vay thấp nhất của các ngân hàng thương mại do nhà nước sở hữu vốn trên 50% vốn điều lệ, có hoạt động cho vay các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ được niêm yết công khai tại các điểm giao dịch.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Giải pháp thứ 1: Giữ nguyên hiện trạng.

- Giải pháp thứ 2: (giải pháp đề xuất):

Đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập: thời gian hỗ trợ tối đa là 08 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 02 tỷ đồng.

Đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư: thời gian hỗ trợ tối đa là 06 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 01 tỷ đồng.

Đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư: thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 750 triệu đồng.

Đối với dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 500 triệu đồng.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất:

* *Tác động về kinh tế*

Ước tính hằng năm có 08 doanh nghiệp có dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, trong đó: có 02 dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập; 02 dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; 02 dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư; 02 dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị. Tổng vốn NSNN tỉnh hỗ trợ cho các doanh nghiệp khoảng 8,5 tỷ đồng.

- Đối với cơ quan nhà nước:

+ Tích cực:

Nếu dùng 8,5 tỷ đồng từ NSNN tỉnh để hỗ trợ lãi suất, sẽ huy động được khoảng 350 tỷ đồng vốn NHTM để các doanh nghiệp vay vốn đầu tư phát triển sản xuất vào nông nghiệp, nông thôn (mức chênh lệch lãi suất khoảng 2,5%).

Đây thực sự là một giải pháp nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn một cách hiệu quả.

Sử dụng NSNN để hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp giúp tăng một phần nguồn thu ngân sách do thuế từ các tổ chức tín dụng tăng lên và các khoản phí khác như: chi phí cầu đường, chi phí vận chuyển, ...tăng lên khi nông nghiệp tăng trưởng, kinh tế phát triển.

+ Tiêu cực: Làm tăng chi NSNN tỉnh khoảng 8,5 tỷ đồng/năm

- Đối với đối tượng được hỗ trợ:

+ Tích cực: các doanh nghiệp được hưởng lợi từ sự hỗ trợ lãi suất của nhà nước, giúp họ giảm áp lực về lãi suất ngân hàng để an tâm đầu tư và mở rộng quy mô phát triển sản xuất, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho xã viên.

+ Tiêu cực: Chính sách hỗ trợ chênh lệch lãi xuất vay NHTM chi phát huy hiệu quả khi các doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn vay của NHTM, hiện nay việc vay vốn tại các NHTM vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

* *Tác động về xã hội*

Chính sách dùng NSNN để hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp sẽ huy động động được nguồn lực xã hội, cụ thể là nguồn vốn của các ngân hàng thương mại để đầu tư phát triển sản xuất (vốn vay là vốn các ngân hàng), mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp. Làm tăng dòng vốn đầu tư vào nông nghiệp, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo và góp phần đảm bảo an ninh trật tự xã hội và thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

* *Tác động thủ tục hành chính:* Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

2. Chính sách hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao

a) Xác định vấn đề bất cập: Thời gian qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tích cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương trong nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, tháo gỡ nhiều vướng mắc nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên, đầu tư cho khoa học công nghệ trong nông nghiệp từ các doanh nghiệp lớn chưa nhiều, phần lớn các dự án đầu tư quy mô nhỏ, năng suất thấp, chế biến nông sản tiêu thụ và xuất khẩu ở dạng sơ chế, thô nên giá trị gia tăng thấp..

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: dùng NSNN tỉnh hỗ trợ các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Giải pháp thứ 1: Giữ nguyên hiện trạng.

- Giải pháp thứ 2: (giải pháp đề xuất): Hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện, nhưng không quá 150 triệu đồng/đề tài/bản quyền/công nghệ

d) Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất:

* *Tác động về kinh tế*

Ước tính hằng năm có 07 doanh nghiệp được hỗ trợ, tổng vốn NSNN tỉnh hỗ trợ cho các doanh nghiệp khoảng 1,05 tỷ đồng.

- Đối với cơ quan nhà nước: làm tăng chi NSNN tỉnh khoảng 1,05 tỷ đồng/ năm

- Đối với đối tượng được hỗ trợ: các doanh nghiệp được nhà nước quan tâm, giảm chi phí thực hiện đầu tư cho khoa học công nghệ.

** Tác động về xã hội*

Kích thích doanh nghiệp quan tâm đầu tư cho khoa học công nghệ trong nông nghiệp góp phần tăng nâng cao năng suất sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, gia tăng giá trị chế biến nông sản tiêu thụ và xuất khẩu..

** Tác động thủ tục hành chính:* Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

3. Chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường

a) Xác định vấn đề bất cập:

Trong những năm qua, mặc dù chính quyền địa phương các cấp đã có nhiều chính sách hỗ trợ đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động (NLĐ). Tuy đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng chất lượng lao động còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu với cường độ công việc cao; tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp cộng với cơ cấu đào tạo bất hợp lý, thiếu lao động có chuyên môn kỹ thuật, đa phần NLĐ chưa có tác phong công nghiệp, ý thức chấp hành kỷ luật chưa nghiêm, năng suất lao động thấp chưa đáp ứng được yêu cầu sử dụng của các doanh nghiệp nói chung, đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất kinh doanh tại khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp ở nông thôn trên địa bàn tỉnh vẫn còn hạn chế trong việc tìm đầu ra tiêu thụ sản phẩm, không có thị trường ổn định; các sản phẩm có thương hiệu của tỉnh chưa được giới thiệu, quảng bá trên thị trường trong nước và quốc tế.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Hỗ trợ cho doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động
- Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh; kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước, ngoài nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Giải pháp thứ 1: Giữ nguyên hiện trạng.

- Giải pháp thứ 2 (giải pháp đề xuất):

+ Hỗ trợ cho doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động với mức hỗ trợ 02 triệu đồng/tháng/lao động, thời gian hỗ trợ 03 tháng.

Trường hợp doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị được hỗ trợ kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân, mức hỗ trợ 500 ngàn đồng/nông dân tham gia liên kết được đào tạo. Thời gian hỗ trợ là 03 tháng.

+ Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh; 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước, ngoài nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Các 2 khoản hỗ trợ nêu trên được thực hiện theo dự án đầu tư. Tổng các khoản hỗ trợ cho một dự án tối đa không quá 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 300 triệu đồng.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất:

* *Tác động về kinh tế*

Ước tính hằng năm có 07 doanh nghiệp được hỗ trợ, tổng vốn NSNN tỉnh hỗ trợ cho các doanh nghiệp khoảng 2,1 tỷ đồng.

- Đối với cơ quan nhà nước: làm tăng chi NSNN tỉnh khoảng 2,1 tỷ đồng/năm

- Đối với đối tượng được hỗ trợ: các doanh nghiệp được nhà nước quan tâm, giảm chi phí thực hiện đào tạo nguồn nhân lực, chi phí quảng cáo, xây dựng thương, quảng bá sản phẩm.

* *Tác động về xã hội*

Nâng cao trình độ tay nghề lao động tại khu vực nông nghiệp, nông thôn; giúp doanh nghiệp tìm kiếm thị trường tiêu thụ, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, góp phần trong phát triển kinh tế, giải quyết vấn đề xã hội ở khu vực nông nghiệp nông thôn.

* *Tác động thủ tục hành chính*: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

4. Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở: Bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm

a) Xác định vấn đề bất cập:

Doanh nghiệp đầu tư các cơ sở bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm thường chịu nhiều rủi ro do phụ thuộc vào các yếu tố như: nguyên liệu đầu vào do ảnh hưởng của thời tiết, dịch bệnh; thị trường tiêu thụ không ổn định; mặt khác, do năng lực tài chính hạn chế nên trên địa bàn tỉnh thu hút được rất ít các doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư, sản xuất kinh doanh.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: dùng NSNN tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Giải pháp thứ 1: Giữ nguyên hiện trạng.

- Giải pháp thứ 2: (giải pháp đề xuất):

+ Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến nông sản; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm. Mức hỗ trợ: 60% kinh phí đầu tư và không quá 03 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án. Các dự án đầu tư chế biến nông sản phải bảo đảm các điều kiện giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

+ Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản (gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học). Mức hỗ trợ 70% chi phí đầu tư nhưng không quá 1 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án. Điều kiện hỗ trợ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất:

* *Tác động về kinh tế*

Ước tính hằng năm có 08 doanh nghiệp có dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, trong đó: có 04 dự án đầu tư cơ sở chế biến nông sản; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; 04 dự án đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm. Tổng vốn NSNN dự kiến hỗ trợ khoảng 12 tỷ đồng.

- Đối với cơ quan nhà nước: NSNN tỉnh phải bỏ ra số tiền khoảng 12 tỷ đồng/năm.

- Đối với đối tượng được hỗ trợ: các doanh nghiệp được nhà nước quan tâm, giảm chi phí đầu tư nên sẽ tăng cường đầu tư vào lĩnh vực này.

** Tác động về xã hội*

Chính sách dùng NSNN để hỗ trợ dùng NSNN tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm sẽ có tác động thu hút đầu tư, tăng dòng vốn đầu tư vào nông nghiệp, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo và góp phần đảm bảo an ninh trật tự xã hội và thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

** Tác động thủ tục hành chính:* Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

III. KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP LỰA CHỌN

Trên cơ sở các chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp được quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Căn cứ điều kiện thực tiễn phát triển của địa phương, thúc đẩy, khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có thể đáp ứng các điều kiện hưởng hỗ trợ. Sau khi phân tích, đánh giá và dự báo khả năng triển khai thực hiện chính sách cho thấy việc ban hành chính sách sẽ giải quyết được khó khăn hiện nay của các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn để phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, tăng đóng góp cho ngân sách nhà nước.

Kính đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, nhất trí với đề xuất ban hành chính sách với 4 giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

IV. LẤY Ý KIẾN

Trong quá trình tham mưu xây dựng chính sách đã tham khảo ý kiến của các doanh nghiệp; các sở, ngành và các cơ quan đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thành phố. Các cơ quan, đơn vị đánh giá cao sự quan tâm của tỉnh, các ngành trong việc chỉ đạo xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

V. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. UBND tỉnh giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực nội dung hỗ trợ; xây dựng và tổng hợp kế hoạch thực hiện nội dung hỗ trợ cho các doanh nghiệp; Hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình triển khai thực hiện.

(Kèm theo Báo cáo này có các phụ lục tính toán chi phí của các giải pháp).

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CTCT; CPVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

BẢNG TÍNH CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung hỗ trợ	Cách thức/ Định mức hỗ trợ	Đơn giá (triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí hỗ trợ hàng năm	Ghi chú
	Tổng kinh phí hỗ trợ				25.000	
1	Hỗ trợ lãi suất					
	Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập	Không quá 03 tỷ đồng	2.000	2	4.000	
	Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư	Không quá 02 tỷ đồng	1.000	2	2.000	
	Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư	Không quá 01 tỷ đồng	750	2	1.500	
	Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị	Không quá 750 triệu đồng	500	2	1.000	
2	Hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao	Không quá 150 triệu đồng/đề tài/bản quyền/công nghệ	150	7	1.050	
3	Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường	Không quá 300 triệu đồng	300	7	2.100	
4	Hỗ trợ đầu tư đầu tư cơ sở: Bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm					
	Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến nông sản; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm	Không quá 03 tỷ đồng/dự án	2.000	4	8.000	
	Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản	Không quá 1 tỷ đồng/dự án	1.000	4	4.000	
5	Hỗ trợ khác				1.350	Đối với các dự án ngân sách trung ương hỗ trợ chưa đủ theo chính sách

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ THẢO

ĐỀ CƯƠNG

Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2019 của UBND tỉnh)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2019/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Xét Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /7/2019 của UBND tỉnh về ban hành quy định về cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra số: /BC-HĐND ngày /6/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
2. Nội dung hỗ trợ
3. Nguồn kinh phí thực hiện:

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày.....và có hiệu lực kể từ ngày...../.

Nơi nhận:

.....
.....

CHỦ TỊCH